

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2017/DS-ST
Ngày: 03 - 11 - 2017
V/v tranh chấp “Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Chúc
2. Bà Thạch Thị Yến Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Vũ - Kiểm sát viên

Trong các ngày 05 tháng 10 và ngày 03 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2015/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2015 về việc tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-DS ngày 22/9/2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2017/QĐST-DS ngày 05/10/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Hồ Văn Th, sinh năm 1987 (có mặt)
 2. Thạch Thị V sinh năm 1987 (có mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đồng Văn H là Luật sư của Văn phòng luật sư Trung Tín luật thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Bị đơn: Sơn Thị Tr sinh năm 1947 (có đơn xin xử vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Văn X sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 05/11/2015, các lời khai anh Hồ Văn Th, chị Thạch Thị V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày và có yêu cầu sau:

Trước đây chị Thạch Thị V được bà Sơn Thị Tr (bà nội) nuôi dưỡng từ lúc 02 tuổi, đến năm 2008 lập gia đình với anh Hồ Văn Th vẫn sống chung với bà Sơn Thị Tr. Vào năm 2010 chị Vi và anh Th có xin bà Tr cho anh chị xây dựng mới lại các căn nhà và các tài sản khác (chuồng heo, giếng nước) phục vụ sinh hoạt trong gia đình thì được bà Tr đồng ý, cho tháo dỡ các căn nhà cũ (cột cây, nền gạch tàu, vách lá, mái tol), xây dựng mới dạng nhà cơ bản (cột bê tông, nền gạch men, vách tường, mái tol ...), sửa lại chuồng heo và xuống 01 giếng nước không nền, tổng tiền xây dựng các tài sản này là 240.000.000 đồng, các tài sản này xây dựng trên phần đất của bà Tr (đất cấp cho hộ ông Hà Văn V (chết) chồng bà Tr), đất thuộc thửa 1502 tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp S, xã L, huyện Cầu Ngang. Sau khi xây dựng xong không lâu thì giữa anh Th, chị V và bà Tr với ông X (cha ruột chị V ở cùng ấp) có xảy ra mâu thuẫn nên bà Tr, ông X đuổi anh Th, chị V ra khỏi nhà. Do đó, chị V, anh Th yêu cầu bà Sơn Thị Tr cùng ông Hà Văn X trả giá trị nhà, giếng nước, chuồng heo số tiền 252.307.619 đồng.

Đến ngày 07/4/2017 chị V, anh Th có đơn khởi kiện thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu bà Sơn Thị Tr trả giá trị các căn nhà, giếng nước, chuồng heo số tiền 352.307.619 đồng và giao bà Tr quản lý, sử dụng các tài sản này, các tài sản trên thửa đất 1497, tờ bản đồ số 02, chứ không phải thửa 1502 như đơn kiện ngày 05/11/2015 nêu.

Tại phiên tòa chị V, anh Th giữ nguyên khởi kiện yêu cầu bà Sơn Thị Tr trả giá trị các căn nhà, giếng nước, chuồng heo số tiền 352.307.619 đồng và giao bà Tr quản lý, sử dụng các tài sản gồm nhà, giếng nước, chuồng heo, trên thửa đất 1497, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp S, xã L, huyện Cầu Ngang. Phần đất thửa 1497 đã nêu mà các tài sản tranh chấp gắn liền chị V, anh Th không có tranh chấp, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn Sơn Thị Tr vắng mặt tại phiên tòa. Theo nội dung các lời khai bà Tr có ý kiến, yêu cầu xem xét như sau:

Bà Tr thừa nhận trước đây bà và chị V, anh Th ở chung, bà có đồng ý cho chị V, anh Th dỡ bỏ nhà cũ, làm mới các căn nhà để ở chung; sửa chuồng heo, xuống giếng nước để phục vụ sinh hoạt trong gia đình trên phần đất của bà như trình bày của chị V, anh Th. Sau đó giữa bà, cháu có mâu thuẫn do chị V, anh Th không chăm sóc cho bà nên con ruột bà là ông Hà Văn X về đuổi chị V, anh Th đi, việc chị V, anh Th đi khỏi nhà bà cũng đồng ý và lúc chị V, anh Th đi thì thỏa thuận ông X trả cho chị V, anh Th 100.000.000 đồng tiền xây dựng nhà, để lại các tài sản này bà quản lý sử dụng. Chi phí lúc làm mới các căn nhà, sửa chuồng heo, giếng nước là 240.000.000 đồng, số tiền này bà đưa chị V, anh Th cụ thể gồm 10 chỉ vàng 24k, 100 bao lúa, 02 con bò cho chị V, anh Th bán giữ tiền để phụ xây

dựng, ngoài ra bà còn đưa cho chị V, anh Th các khoản khác nhưng giữa bà, cháu với nhau bà không có chứng cứ gì chứng minh và phần ông X trả 100.000.000 đồng là đủ. Nay bà Tr không đồng ý trả giá trị các tài sản gồm các căn nhà, giếng nước, chuồng heo số tiền 352.307.619 đồng theo yêu cầu của chị V, anh Th.

- Quá trình giải quyết ông Hà Văn X có lời khai như sau:

Trước đây anh Th, chị V có yêu cầu ông cùng bà Tr trả giá trị nhà, giếng nước, chuồng heo số tiền 252.307.619 đồng, ông không đồng ý trả vì lúc anh Th, chị V dọn đi thì ông đã trả 100.000.000 đồng và anh Th, chị V đồng ý giao các tài sản cho bà Tr quản lý, sử dụng nên ông X không đồng ý trả thêm số tiền 252.307.619 đồng theo yêu cầu của anh Th, chị V.

Hiện nay anh Th, chị V có thay đổi khởi kiện không yêu cầu ông cùng bà Tr trả số tiền này mà chỉ yêu cầu bà Tr có trách nhiệm trả số tiền 352.307.619 đồng vì bà Tr là người trực tiếp quản lý, sử dụng các tài sản, việc thay đổi yêu cầu của anh Th, chị V thì ông không có ý kiến. Riêng số tiền 100.000.000 đồng là của ông X đã trả cho anh Th, chị V trước đây, nay ông X xác định không có tranh chấp, không khởi kiện anh Th, chị V trong vụ kiện này mà để tự giải quyết riêng.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy việc xây mới các căn nhà, giếng nước, sửa chuồng heo được bà Tr chấp nhận cho anh Th, chị V làm và do anh Th, chị V trả các khoản tiền xây dựng nhưng bà Tr cho rằng khoản tiền trả xây dựng các tài sản này là bà đưa tiền, vàng, lúa, và bò cho anh Th, chị V bán mới có tiền trả xây dựng nhưng bà Tr không có chứng cứ chứng minh, phía anh Th, chị V không thừa nhận. Do đó xét thấy yêu cầu của chị V, anh Th buộc bà Tr trả giá trị các tài sản là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, anh Th, buộc bà Tr phải trả giá trị các tài sản số tiền 352.307.619 đồng và ghi nhận sự tự nguyện của chị V, anh Th trả cho bà Tr 10 chỉ vàng 24k, lại 99% mà bà Tr đã đưa chị V, anh Th lúc xây dựng nhà năm 2010.

Tòa án đã mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng nhiều lần bị đơn Sơn Thị Tr vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Các đương sự không cung cấp chứng cứ gì thêm, không yêu cầu xác minh hay triệu tập người làm chứng.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự. Tuy nhiên việc chấp hành pháp luật của bà Tr là chưa đúng.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của khởi kiện của anh Hồ Văn Th, chị Thạch Thị V. Buộc bà Sơn Thị Tr trả giá trị các tài sản gồm nhà, giếng nước, chuồng heo cho anh Hồ Văn Th, chị Thạch Thị V khoản

tiền sau khi trừ ra phần tỉ lệ % bà Tr đã đóng góp xây dựng các tài sản trên, cụ thể bà Tr phải trả cho anh Th, chị V số tiền $352.307.619đ - 352.307.619đ$ ($26.375.000đ / 240.000.000đ$) = 313.590.479đ và giao bà Tr được quyền quản lý, sử dụng các tài sản nhà, giếng nước, chuồng heo theo kết quả đo đạc. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định buộc các bên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn Sơn Thị Tr đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà Tr.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn của anh Hồ Văn Th, chị Thạch Thị V khởi kiện bà Sơn Thị Tr đòi trả giá trị các tài sản nhà, giếng nước, chuồng heo đã xây dựng nên xác định tranh chấp “Đòi lại tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

[3] Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của anh Hồ Văn Th, chị Thạch Thị V yêu cầu buộc bà Sơn Thị Tr phải trả giá trị các tài sản mà anh chị bỏ chi phí xây dựng gồm nhà xây dựng cơ bản (nhà trước, nhà sau, nhà bếp), xuống giếng nước, sửa lại chuồng heo, số tiền là 352.307.619 đồng và giao bà Tr được quản lý, sử dụng các tài sản này. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong quá trình giải quyết anh Th, chị V đã cung cấp các hóa đơn chứng từ mua vật liệu xây dựng, các khoản tiền do anh chị trả, sau xây dựng tổng chi phí 240.000.000 đồng và anh Th, chị V có yêu cầu thẩm định, định giá các tài sản tranh chấp, kết quả thẩm định, định giá ngày 03/8/2017 phần tài sản tranh chấp là nhà cấp 4, và 01 giếng nước, một chuồng heo tọa lạc tại ấp S, xã L, huyện Cầu Ngang, do anh Hồ Văn Th và chị Thạch Thị V xây dựng trên thửa đất số 1497 của bà Sơn Thị Tr cụ thể:

- Nhà chính: Dạng độc lập khung cột bê tông, cốt thép tường xây gạch, trát vữa, quét vôi, lắp dựng khung cửa sắt (nhôm) nền gạch men mái tole có trần tấm nhựa có diện tích $6,7 \text{ m} \times 10,2 \text{ m} = 68,34 \text{ m}^2$, giá trị còn lại $54,5\% \times 4.046.000đ = 150.694.483đ$.

- Nhà sau: Dạng độc lập khung cột bê tông, cốt thép tường xây gạch, trát vữa, quét vôi, lắp dựng khung cửa sắt (nhôm) nền gạch men mái tole có diện tích $7 \text{ m} \times 10,2 \text{ m} = 71,4 \text{ m}^2$, giá trị còn lại $67,5\% \times 3.874.000đ = 186.707.430đ$.

- Nhà bếp: Khung cột bê tông, cốt thép nền láng xi măng có bê tông lót mái tole không trần có diện tích $3,3 \text{ m} \times 5,3 \text{ m} = 17,49 \text{ m}^2$, giá trị còn lại $67,5\% \times 1.645.000đ = 19.420.458đ$.

- Chuồng heo khung cột bê tông cốt thép, đúc sẵn, không móng, máy tole có kết cấu đỡ bằng gỗ, nền xi măng, mái tole có diện tích $4,2 \text{ m} \times 8,5 \text{ m} = 35,7 \text{ m}^2$ x giá 261.000đ = 19.317.700đ (đã trừ phần nền cũ do bị đơn xây dựng).

- Một giếng bơm tay không nền giá 4.200.000đ.

Tổng giá trị 370.340.071 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu ba trăm bốn mươi nghìn không trăm bảy mươi một đồng).

Xét thấy, khởi kiện của chị Thạch Thị V, anh Hồ Văn Th đòi bà Sơn Thị Tr trả giá trị các tài sản đã xây dựng gồm nhà trước, nhà sau, nhà bếp, giếng nước và sửa chuồng heo là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho bà Sơn Thị Tr thì bà Tr thừa nhận có cho vợ chồng V xây dựng mới các căn nhà, sửa chuồng heo, xuống giếng nước trên phần đất của bà, với tổng chi phí là 240.000.000 đồng do anh Th, chị V trực tiếp trả, bà Tr không có yêu cầu phản tố và hiện các tài sản này do bà Tr quản lý, sử dụng nên ý kiến của bà Tr không đồng ý trả giá trị các tài sản theo yêu cầu của chị V, anh Th là không có cơ sở chấp nhận.

Hiện nay giá trị còn lại của nhà, chuồng heo, giếng nước được định giá là 370.340.071 đồng nhưng chị V, anh Th yêu cầu trả giá trị các tài sản này, số tiền 352.307.619 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét nguồn tiền chi trả lúc xây dựng, bà Tr khai có đưa cho chị V, anh Th gồm 10 chỉ vàng 24k, 100 bao lúa, 02 con bò cho chị V, anh Th bán giữ tiền, ngoài ra bà Tr còn cho rằng bà còn đóng góp bằng tiền giao trực tiếp cho anh Th, chị V giữ để chi trả xây dựng, sửa chữa các tài sản nhưng các lời khai về các khoản đóng góp bà Tr không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, cũng như không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho phản đối không đồng ý trả giá trị các tài sản theo yêu cầu của chị V, anh Th. Phía chị V, anh Th chỉ thừa nhận phần đóng góp của bà Tr là 10 chỉ vàng 24k, không còn đóng góp nào khác, không có việc bà Tr đưa tiền phụ chi trả xây dựng các tài sản; Tòa án có tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nhưng không có cơ sở xem xét phần đóng góp 100 bao lúa, 02 con bò là của bà Tr.

Như vậy, có cơ sở chấp nhận việc xây dựng các tài sản bà Tr chỉ đóng góp vào 10 chỉ vàng 24kr (loại nữ trang 01 sớ dây chuyền và 01 chiếc lắc tay), nhưng phía chị V, anh Th và bà Tr không nhớ chính xác, không thống nhất được giá vàng bán ra tại thời điểm xây dựng là bao nhiêu. Hội đồng xét xử căn cứ vào văn bản số 2089/STC-QLG&CS của Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh, ngày 31/10/2017 xác định giá vàng tại thời điểm tháng 3/2010 vàng 24kr, loại 99%, 01 chỉ bằng 2.637.500 đồng, 10 chỉ vàng 24kr thành tiền 26.375.000 đồng, do đó xác định phần đóng góp của bà Tr là 10 chỉ vàng 24kra chiếm tỉ lệ 11% tại thời điểm xây dựng các tài sản trong tổng chi phí bằng 240.000.000 đồng, giá trị còn lại 89% là của chị V, anh Th.

Trên cơ sở xác định tỉ lệ phần đóng góp của các bên đến thời điểm hiện tại Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, anh Th đòi trả giá trị các tài sản bằng 352.307.619 đồng, trong đó xác định phần đóng góp của bà Tr là 11% tương đương 38.753.838 đồng, còn lại của chị V, anh Th 89% tương đương 313.553.781 đồng.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của chị V, anh Th buộc bà Sơn Thị Tr phải trả giá trị các căn nhà, giếng nước, chuồng heo cho anh Hồ Văn Th, Thạch Thị V và giao bà Sơn Thị Tr được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà, chuồng heo, giếng nước trên thửa đất số 1497, tờ bản đồ 02, tọa lạc ấp S, xã L, huyện Cầu Ngang.

- Về thửa đất số 1497, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp S, xã L, huyện Cầu Ngang mà các tài sản tranh chấp gắn liền các bên thống nhất là đất của bà Tr và ông Hà Văn V (chết), không có tranh chấp không yêu cầu giải quyết nên không xét

- Xét ý kiến của ông Hà Văn X khai, trước đây khi chị V, anh Th đi thì ông có trả tiền xây dựng, sửa chữa các tài sản này cho chị V, anh Th số tiền 100.000.000 đồng, sự việc được chị V, anh Th thừa nhận nhưng qua phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ông X không có yêu cầu độc lập đòi lại số tiền này nên không xem xét. Xét việc ông X hàng ngày có đến thăm, chăm sóc bà Tr, ông không trực tiếp quản lý, sử dụng, chiếm hữu các tài sản nên không có cơ sở buộc ông cùng bà Tr phải trả giá trị các tài sản cho chị V, anh Th.

- Xét quan điểm của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Hồ Văn Th, Thạch Thị V buộc bà Sơn Thị Tr có trách nhiệm trả giá trị các tài sản cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận nhưng việc đề nghị chấp nhận toàn bộ là chưa có cơ sở. Về đề nghị ghi nhận anh Th, chị V trả lại bà Tr 10 chỉ vàng 24k, 99% là chưa có cơ sở chấp nhận.

- Xét quan điểm của Kiểm sát viên chấp nhận một phần yêu cầu của chị V, anh Th là có cơ sở xem xét giải quyết.

- **Về chi phí thẩm định, định giá:** Tổng chi phí thẩm định giá là 750.000 đồng. Căn cứ Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc anh Hồ Văn Th, Thạch Thị V phải chịu 11%, buộc bà Sơn Thị Tr phải chịu 89%.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Anh Hồ Văn Th, chị Thạch Thị V phải chịu án phí do một phần khởi kiện không được chấp nhận (5% trên số tiền tranh chấp không được chấp nhận) số tiền là 1.937.691 đồng. Xét yêu cầu là chung của vợ chồng nên mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí. Xét chị V là người thuộc đồng bào dân tộc thiểu số, ở xã L là xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặt biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí đúng quy định nên miễn án phí cho chị V số tiền 968.845 đồng; anh Th phải nộp 968.845 đồng án phí.

Bà Sơn Thị Tr phải nộp án phí phần yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị V, anh Hồ Văn Th được chấp nhận (5% trên số tiền được chấp nhận) là 15.677.689 đồng nhưng xét bà Tr là người thuộc đồng bào dân tộc thiểu số, ở xã L là xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặt biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí đúng quy

định nên xét miễn toàn bộ án phí cho bà Tr.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điều 35 và Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 255, 256 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của anh Hồ Văn Th, chị Thạch Thị V.

- Giao bà Sơn Thị Tr được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gồm:

+ Nhà chính: Dạng độc lập khung cột bê tông, cốt thép tường xây gạch, trát vữa, quét vôi, lắp dựng khung cửa sắt (nhôm) nền gạch men mái tole có trần tấm nhựa có diện tích $6,7\text{ m} \times 10,2\text{ m} = 68,34\text{ m}^2$.

+ Nhà sau: Dạng độc lập khung cột bê tông, cốt thép tường xây gạch, trát vữa, quét vôi, lắp dựng khung cửa sắt (nhôm) nền gạch men mái tole có diện tích $7\text{ m} \times 10,2\text{ m} = 71,4\text{ m}^2$.

+ Nhà bếp: Khung cột bê tông, cốt thép nền láng xi măng có bê tông lót mái tole không trần có diện tích $3,3\text{ m} \times 5,3\text{ m} = 17,49\text{ m}^2$.

+ Chuồng heo khung cột bê tông cốt thép, đúc sẵn, không móng, máy tole có kết cấu đỡ bằng gỗ nền xi măng mái tole có diện tích $4,2\text{ m} \times 8,5\text{ m} = 35,7\text{ m}^2$.

+ Một giếng bơm tay không nền.

Các tài sản này nằm trên thửa đất 1497, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp S, xã L, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, hiện bà Tr đang quản lý, sử dụng.

- Buộc bà Sơn Thị Tr trả giá trị các tài sản nhà, giếng nước, chuồng heo như mô tả trên, số tiền 313.553.781 đồng (Ba trăm mười ba triệu năm trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm tám mươi một đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Miễn toàn bộ án phí cho chị Thạch Thị V và bà Sơn Thị Tr.

Buộc anh Hồ Văn Th phải nộp 968.845 đồng.

Hoàn trả cho anh Hồ Văn Th, chị Thạch Thị V số tiền 6.307.690 đồng theo biên lai thu số 0000833, ngày 22/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

Hoàn trả cho anh Hồ Văn Th, chị Thạch Thị V số tiền 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0007215, ngày 14/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

- Về chi phí thẩm định tài sản:

Anh Hồ Văn Th, chị Thạch Thị V phải chịu 82.500 đồng.

Bà Sơn Thị Tr nộp 667.500 đồng, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu của bà Tr để hoàn trả lại cho chị V, anh Th.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa